

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 58/2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hương G

Các hội thẩm nhân dân: - Bà Phạm Thị Tr

- Bà Nguyễn Thị L

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng H - Thư ký Tòa án nhân dân quận H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội gia phiên tòa: Nguyễn Thị Cẩm A - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 515/2020/ TLST- HNGĐ ngày 22/7/2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Vũ Thị L**, sinh năm 1978; Trú tại: Tổ 4, ấp Bãi Thom, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** **Anh Phạm Hải Đ**, sinh năm:1971; Trú tại: Số 67 ngõ 70 Nguyễn An Ninh, phườngT, quận H, Hà Nội.

(Chị L, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn ly hôn và những lời khai tiếp theo của chị Vũ Thị L trong quá trình giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình thể hiện:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Phạm Hải Đ xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phườngT, quận Hoàng Mai, Hà Nội ngày 15/5/2007. Sau khi

kết hôn vợ chồng chị cùng nhau chung sống tại số 67 ngõ 70 Nguyễn An Ninh, phường T, quận H, Hà Nội.

Quá trình sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 12/2007 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ có tính gia trưởng, không tôn trọng chị, mọi việc anh Đ đều tự quyết định không bàn bạc với chị. Anh Đ không có sự chia sẻ, hỗ trợ về kinh tế đối với chị. Vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi nhau. Khi chị và mọi người trong gia đình góp ý với anh Đ thì anh Đ bỏ nhà đi vài ngày và khi về cũng không thay đổi. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Do làm ăn khó khăn nên năm 2017 vợ chồng chị quyết định vào chuyển vào Phú Quốc sinh sống. Nhưng do anh Đ không thích nghỉ được nên anh Đ đã chuyển ra ngoài Hà Nội sinh sống từ tháng 01/2019. Trong thời gian sống xa nhau, vợ chồng chị vẫn tiếp tục có mâu thuẫn. Anh Đ vẫn không quan tâm đến vợ con, không thay đổi cách sống và áp đặt mọi việc đối với chị.

Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã quá trầm trọng không thể sống chung với nhau được nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Hải Đ.

-Về con chung: chị và anh Đ có 02 con chung là Phạm Minh Ngọc, sinh ngày 10/8/2007 và Phạm Kim Khánh, sinh ngày 20/6/2014.

Các con chung của anh chị hiện đang sống và học tập cùng với chị tại Phú Quốc.

Ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hiện chị L đang kinh doanh về du lịch, mức thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/ tháng.

-Về tài sản chung: chị xác định trong thời kỳ hôn nhân chị và anh Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: chị L xác nhận chị và anh Đ không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L không có yêu cầu gì khác.

* Tại những lời khai, biên bản hòa giải tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình, anh Phạm Hải Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như quá trình vợ chồng chung sống như chị L trình bày là đúng, anh không bổ sung gì.

Anh Đ xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã có mâu thuẫn ngày từ thời gian đầu mới lấy nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng quá khác biệt về tính cách, suy nghĩ và quan điểm sống. Vì vậy vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi cọ nhau. Cuộc sống vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ. Năm 2017, vợ chồng anh chị chuyển vào Phú Quốc làm ăn. Tuy nhiên, tại Phú Quốc anh chị vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đến tháng 01/2020 một mình anh đã chuyển về Hà Nội sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nay chị L xác định tình cảm không còn, chị L đề nghị ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh sẽ đồng ý ly hôn khi các con anh trưởng thành 18 tuổi.

-Về con chung: anh và chị L có 02 con chung là Phạm Minh Ngọc, sinh ngày 10/8/2007 và Phạm Kim Khánh, sinh ngày 20/6/2014.

Ly hôn, anh đồng ý để chị L được nuôi cả hai con chung.

Cấp dưỡng nuôi con: anh và chị L sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung: anh xác định trong thời kỳ hôn nhân anh và chị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: anh Đ xác nhận anh và chị L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Đ không có yêu cầu gì khác.

*Tại phiên tòa: Chị Vũ Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Chị vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Đ đã được triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án hể hiện ý kiến của anh Đ, chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân quận H có quan điểm:

- Về việc tuân theo Pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân quận H thụ lý vụ án là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đảm bảo quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán, thư ký quy định tại điều 48, điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo Pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử chị Vũ Thị L được ly hôn anh Phạm Hải Đ; Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung của anh chị là Phạm Minh Ngọc, sinh ngày 10/8/2007 và Phạm Kim Khánh, sinh ngày 20/6/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con: tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ. Về tài sản chung: chị L anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét; Về nợ chung: chị L anh Thắng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét. Về án phí: chị L phải chịu án phí lý hôn sơ thẩm.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:** Anh Phạm Hải Đ có HKTT và trú tại: 67 ngõ 70 Nguyễn An Ninh, phường T, quận H, Hà Nội. Vì vậy, **căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39** Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, vì lý do ở xa nên không tham gia phiên tòa được.

Ngày 11/9/2020, Tòa án nhân dân quận H mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án Ly hôn giữa chị L và anh Đ. Anh Đ vắng mặt không có lý do lần thứ nhất.

Ngày 17/9/2020, anh Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do lần thứ hai tại phiên tòa.

Việc Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung:

[3.1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L và chị Phạm Hải Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Hoàng mai, Hà Nội ngày 15/5/2007. Vì vậy, Hôn nhân giữa chị L và anh Đ là hợp pháp.

Quá trình sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian rất ngắn, đến tháng 12/2007 thì nảy sinh mâu thuẫn. Theo chị L trình bày: nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ có tính gia trưởng, không tôn trọng chị, mọi việc anh Đ đều tự quyết định không bàn bạc với chị. Anh Đ không có sự chia sẻ, hỗ trợ về kinh tế đối với chị. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, to tiếng dù sống gần nhau hay xa nhau. Mọi người trong gia đình anh chị đều biết mâu thuẫn của anh chị và hòa giải, khuyên bảo, thậm chí chị cũng đã cùng anh thay đổi chỗ ở, môi trường sống và làm việc nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Vì thế mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 01/2020 và mỗi người sống một nơi.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hòa giải, hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Anh Đ cũng xác định vợ chồng anh chỉ sống hạnh phúc trong thời gian ngắn, sau đó có khác biệt quá lớn về tính cách, quan điểm sống, cách nghĩ, cách nuôi dạy con cái, vì vậy giữa vợ chồng anh luôn xảy ra mâu thuẫn kể cả khi ở gần hay ở xa. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 01/2020. Chị L yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý. Anh muốn khi các con anh phải trưởng thành trên 18 tuổi anh mới đồng ý ly hôn chị L.

Quá trình thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Đ, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Mặc khác, anh Đ cũng không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như hiện nay. Vợ chồng anh chị vẫn không nói chuyện được với nhau; anh chị vẫn sống ly thân và mỗi người ở một nơi. Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân quận H giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L anh Đ là trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, không hòa giải được. Chị L kiên quyết ly hôn vì không còn tình cảm với anh Đ. Anh Đ xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng anh chị vẫn căng thẳng kéo dài, không có hạnh phúc, anh cũng không khẳng định còn tình cảm với chị L nhưng anh Đ không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến các con.

Thiết nghĩ, cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc phải là sự tự nguyện từ hai phía, nếu chỉ có sự níu kéo từ một phía sẽ không mang lại hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L và xử cho chị L được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: chị L và anh Đ xác định anh chị có 02 con chung là Phạm Minh Ngọc, sinh ngày 10/8/2007 và Phạm Kim Khánh, sinh ngày 20/6/2014.

Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2020 anh Đ đồng ý để chị L được nuôi cả hai con chung. Cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh Đ ông cấp dưỡng nuôi con; anh Đ xác định anh chị tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt không có lý do. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như tại đơn khởi kiện và như chị đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại Biên bản hòa giải ngày 31/7/2020.

Xét thấy, hiện hai con chung của anh chị đang sinh sống và học tập ổn định cùng với chị L tại Phú Quốc từ nhiều năm nay. Chị L cũng có công việc và thu nhập ổn định. Thu nhập bình quân của chị L khoảng 20.000.000 đồng/ tháng. Hai cháu Ngọc và Khánh cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Hai con chung của anh chị đều là nữ, cháu Kim Khánh còn nhỏ, cháu Minh Ngọc đang trong độ tuổi phát triển, cần sự quan tâm, chăm sóc tỹ mĩ của người mẹ. Vì vậy, chấp nhận giao 02 con chung của anh Đ và chị L là Phạm Minh Ngọc, sinh ngày 10/8/2007 và Phạm Kim Khánh, sinh ngày 20/6/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ.

[3.3]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Đ và chị L xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3.4]. Về nợ chung: Anh Đ và chị L xác định anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3.5]. Án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị L đối với anh Phạm Hải Đ.

1. Chị Vũ Thị L được ly hôn anh Phạm Hải Đ.

2. Con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là Phạm Minh Ngọc, sinh ngày 10/8/2007 và Phạm Kim Khánh, sinh ngày 20/6/2014.

Giao cả 02 con chung: Phạm Minh Ngọc và Phạm Kim Khánh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Tài sản chung (động sản và bất động sản):

Chị L và anh Đ xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về nợ chung:

Chị L và anh Đ xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

5. Án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo Biên lai số 0005777 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA quận H;
- UBND phường T,
Quận H, Hà Nội;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hương G

